

UBND TỈNH ĐỒNG NAI
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **3340** /SYT-VP

Đồng Nai, ngày **22** tháng 6 năm 2020

V/v triển khai Quyết định số
23/2020/QĐ-UBND ngày
12/6/2020 của UBND tỉnh

Kính gửi: Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

Thực hiện Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Đồng Nai (*Đính kèm Quyết định*).

Giám đốc Sở Y tế đề nghị Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chỉ đạo các tổ chức, cá nhân phụ trách về công nghệ thông tin của đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện nội dung Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND tỉnh.

Đề nghị Giám đốc, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, VP.



GIÁM ĐỐC

Phan Huy Anh Vũ



**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23. /2020/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật An toàn thông tin mạng ngày 19 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 81/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn Hệ thống thông tin theo cấp độ;

Căn cứ Nghị định số 49/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Điều 15 của Nghị định số 25/2011/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật viễn thông và Điều 30 của Nghị định số 174/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin và tần số vô tuyến điện;

Căn cứ Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;



Căn cứ Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định mức giá cước tối đa dịch vụ trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1307/TTr-STTTT ngày 19 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2020, thay thế Quyết định số 50/2018/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý, vận hành, sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh; Giám đốc doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Chỉ đạo CNTT tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, CTTĐT, KGVX(vudq).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh

QUY ĐỊNH

**Quản lý, vận hành và sử dụng mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II
trên địa bàn tỉnh Đồng Nai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 23 /2020/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin đối với mạng truyền số liệu chuyên dùng (viết tắt là mạng TSLCD) cấp II trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh, doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng truyền số liệu chuyên dùng cấp II trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

**Chương II
QUẢN LÝ VÀ VẬN HÀNH MẠNG TSLCD CẤP II**

Điều 3. Nguyên tắc quản lý, vận hành mạng TSLCD cấp II

Nguyên tắc quản lý, vận hành mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý, vận hành, kết nối, sử dụng và bảo đảm an toàn thông tin trên mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (viết tắt là Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT), cụ thể như sau:

1. Quản lý, vận hành mạng TSLCD phải bảo đảm khai thác hiệu quả tài nguyên mạng và nâng cao chất lượng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

2. Mạng TSLCD được quản lý, vận hành tập trung, thống nhất; được rà soát kiểm tra, đánh giá định kỳ hoặc đột xuất để bảo đảm an toàn, bảo mật và tính sẵn sàng cao trong quá trình vận hành và sử dụng.

3. Mạng TSLCD phải bảo đảm thông tin liên lạc thông suốt, liên tục (24 giờ/ngày và 7 ngày/tuần).

Điều 4. Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II

Danh mục dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD cấp II được quy định tại Điều 5 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT, cụ thể như sau:

1. Dịch vụ cơ bản
 - a) Dịch vụ mạng riêng ảo (điểm điểm, đa điểm);
 - b) Dịch vụ kênh thuê riêng;
 - c) Dịch vụ truy nhập Internet chuyên dùng;
 - d) Dịch vụ hội nghị truyền hình;
 - đ) Dịch vụ thoại;
 - e) Các dịch vụ cơ bản khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
2. Dịch vụ giá trị gia tăng
 - a) Dịch vụ thư thoại;
 - b) Dịch vụ thư điện tử;
 - c) Dịch vụ IPTV;
 - d) Dịch vụ thuê máy chủ ảo;
 - đ) Các dịch vụ giá trị gia tăng khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.
3. Dịch vụ cộng thêm
 - a) Các dịch vụ cộng thêm của thoại IP, gồm: dịch vụ hiển thị số chủ gọi, dịch vụ chờ cuộc gọi, dịch vụ chuyển cuộc gọi, dịch vụ chặn cuộc gọi, dịch vụ quay số tắt;
 - b) Các dịch vụ cộng thêm khác theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ KẾT NỐI VÀ SỬ DỤNG MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 5. Yêu cầu về kết nối đối với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II

Yêu cầu về kết nối đối với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT (được sửa đổi tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT ngày 05 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông (viết tắt là Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT)), cụ thể như sau:

1. Doanh nghiệp viễn thông phải bảo đảm kết nối giữa các điểm thuộc mạng TSLCD cấp II căn cứ theo nhu cầu sử dụng của các cơ quan Đảng, Nhà nước của tỉnh và bảo đảm thực hiện các yêu cầu về kết nối theo yêu cầu của Cục Bưu điện Trung ương.

2. Để bảo đảm kết nối giữa mạng TSLCD cấp I và cấp II, doanh nghiệp viễn thông phải thiết lập kết nối trung kế sang mạng TSLCD cấp I.

3. Phương thức kết nối

a) Các điểm kết nối mạng TSLCD cấp II được định tuyến trực tiếp về thiết bị tập trung của mạng TSLCD cấp I hoặc định tuyến về thiết bị tập trung mạng diện rộng của địa phương;

b) Các điểm kết nối mạng TSLCD cấp II kết nối đến mạng TSLCD cấp I phải được định tuyến qua thiết bị tập trung của mạng TSLCD cấp I.

4. Tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến: bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương) cho mạng TSLCD.

Điều 6. Yêu cầu về kết nối trung kế giữa mạng TSLCD cấp II và mạng TSLCD cấp I

Yêu cầu về kết nối trung kế giữa mạng TSLCD cấp II và mạng TSLCD cấp I thực hiện theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT (được sửa đổi tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT), cụ thể như sau:

1. Địa điểm kết nối: do Cục Bưu điện Trung ương và doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối mạng TSLCD cấp II tham gia kết nối thống nhất trên cơ sở lựa chọn địa điểm kết nối trên mạng khả thi về mặt kỹ thuật nhưng không được vi phạm các quy định về kết nối tại các Điều 42 và 44 của Luật Viễn thông.

2. Phương thức và giao diện kết nối: kết nối hai đường cáp quang trực tiếp theo hai hướng khác nhau giữa mạng TSLCD cấp I và mạng TSLCD cấp II đáp ứng các yêu cầu bảo đảm an toàn thông tin quy định tại khoản 1 và 2 Điều 10 của Quy định này.

3. Tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến: bảo đảm thống nhất tài nguyên địa chỉ IP và thông số định tuyến theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương) cho mạng TSLCD.

Điều 7. Yêu cầu về hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II

Yêu cầu về hạ tầng mạng của doanh nghiệp viễn thông cung cấp kết nối cho mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT (được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT), cụ thể như sau:

1. Doanh nghiệp viễn thông được cung cấp dịch vụ trên mạng TSLCD cấp II phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có mạng lưới tại đơn vị hành chính của tỉnh, cấp huyện, cấp xã thuộc tỉnh;

b) Có đủ năng lực hạ tầng mạng kết nối đến các đơn vị thuộc mạng TSLCD cấp II;

c) Có đội ngũ nhân sự bảo đảm giám sát, vận hành và hỗ trợ xử lý sự cố trực tiếp tại các điểm kết nối, có đường kết nối đến mạng TSLCD cấp I;

d) Được cơ quan Đảng, Nhà nước tại địa phương lựa chọn là đơn vị cung cấp dịch vụ.

2. Các kết nối đến mạng TSLCD phải bảo đảm an toàn, bảo mật đường truyền theo quy định.

3. Dịch vụ được triển khai trên mạng TSLCD cấp II phải tuân thủ các tiêu chuẩn kỹ thuật do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định.

4. Doanh nghiệp viễn thông phải sử dụng thiết bị định tuyến riêng cho việc kết nối đến mạng TSLCD cấp I và thiết bị tập trung kết nối các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.

Điều 8. Sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II

Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD cấp II được quy định tại Điều 10 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT, cụ thể như sau:

1. Việc sử dụng, chia sẻ và lưu trữ thông tin trên mạng TSLCD phải tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, công nghệ thông tin, an toàn thông tin và lưu trữ.

2. Thông tin được sử dụng, chia sẻ và lưu trữ trên mạng TSLCD phải là những thông tin phục vụ cho hoạt động quản lý điều hành và chuyên môn nghiệp vụ của đơn vị sử dụng mạng TSLCD.

3. Thông tin quan trọng truyền tải trên mạng TSLCD phải tuân thủ pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, mã hóa bằng mật mã cơ yếu.

Chương IV

BẢO ĐẢM AN TOÀN THÔNG TIN TRÊN MẠNG TSLCD CẤP II

Điều 9. Quy định chung về bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD cấp II

Quy định chung về bảo đảm an toàn thông tin cho hạ tầng mạng TSLCD cấp II được quy định tại Điều 11 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT, cụ thể như sau:

1. Thiết kế hạ tầng mạng có phân vùng thành từng vùng mạng chức năng phù hợp với hệ thống thông tin theo cấp độ tương ứng.

2. Phải có phương án quản lý truy nhập hệ thống từ các mạng bên ngoài, nhằm quản lý và ngăn chặn các truy nhập trái phép từ các mạng bên ngoài vào mạng trong.

3. Phải có biện pháp quản lý truy nhập từ bên trong mạng ra các mạng bên ngoài và mạng Internet, nhằm bảo đảm chỉ những kết nối mạng hợp lệ theo chính sách của cơ quan, tổ chức mới được cho phép kết nối ra bên ngoài.

4. Phải có phương án lưu trữ và quản lý nhật ký hệ thống phục vụ việc theo dõi, giám sát hoạt động bình thường, các hoạt động liên quan đến an toàn thông tin của hệ thống.

5. Phải có phương án phòng, chống xâm nhập, phần mềm độc hại, nhằm giám sát phát hiện sớm, xử lý và ngăn chặn những cuộc tấn công mạng, những sự kiện bất thường xảy ra trên hệ thống qua môi trường mạng.

6. Phải có phương án bảo vệ các thiết bị mạng, thiết bị an toàn thông tin trong hệ thống, nhằm giám sát và ngăn cản truy nhập, thay đổi trái phép cấu hình và hoạt động của thiết bị.

Điều 10. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II

Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 12 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT (được sửa đổi tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT), cụ thể như sau:

1. Mạng TSLCD cấp II phải đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 03/2017/TT-BTTTT ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông và các yêu cầu cơ bản cho hệ thống thông tin cấp độ 3 trở lên theo tiêu chuẩn TCVN 11930:2017.

2. Quy định về Hệ thống thông tin khi kết nối vào Mạng TSLCD:

a) Đơn vị sử dụng phải tách riêng phân hệ kết nối mạng TSLCD với phân hệ kết nối mạng Internet;

b) Hệ thống thông tin khi kết nối vào mạng TSLCD phải đáp ứng các yêu cầu an toàn theo quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; cổng kết nối của hệ thống phải đáp ứng các yêu cầu an toàn tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT;

c) Trung tâm dữ liệu kết nối vào mạng TSLCD phải đáp ứng theo các yêu cầu an toàn theo quy định để bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và các yêu cầu an toàn tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

Điều 11. Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho phân hệ quản lý mạng TSLCD cấp II

Quy định về bảo đảm an toàn thông tin cho phân hệ quản lý mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 13 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT, cụ thể như sau:

1. Phân hệ quản lý mạng phải được tách riêng với các phân hệ mạng khác và không được kết nối Internet.

2. Có hệ thống quản lý xác thực tập trung đối với các tài khoản truy cập cấu hình thiết bị, phân quyền phù hợp cho người quản trị.

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ LIÊN QUAN

Điều 12. Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II

Trách nhiệm của doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II được quy định tại Điều 16 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT và Điều 2 Thông tư số 43/2017/TT-BTTTT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể như sau:

1. Công bố các điểm đăng ký dịch vụ, hỗ trợ kỹ thuật, khắc phục sự cố và giải quyết khiếu nại (sau đây gọi tắt là điểm đăng ký dịch vụ) với các đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.
2. Xây dựng và công bố quy định chi tiết các nội dung hợp đồng mẫu và ủy quyền điểm đăng ký dịch vụ gần nhất tiến hành thương thảo, ký kết hợp đồng với đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II.
3. Thực hiện công khai giá cước dịch vụ trên mạng TSLCD theo đúng quy định.
4. Bảo đảm chất lượng dịch vụ, độ sẵn sàng đối với các điểm kết nối thuộc mạng TSLCD cấp II tại tỉnh.
5. Tuân thủ các quy định về kết nối, chất lượng mạng và bảo đảm an toàn thông tin đối với mạng TSLCD theo quy định do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành.
6. Huy động hạ tầng, năng lực của doanh nghiệp để Cục Bưu điện Trung ương phục vụ thông tin khẩn cấp theo yêu cầu của các cơ quan Đảng, Nhà nước tại Trung ương.
7. Triển khai các giải pháp và hệ thống thiết bị dự phòng và con người để bảo đảm cơ sở hạ tầng mạng TSLCD hoạt động liên tục và an toàn.
8. Phải báo cáo và chịu sự giám sát, thẩm định của Cục Bưu điện Trung ương đối với các dịch vụ cung cấp trên mạng TSLCD và các sự cố đối với mạng TSLCD cấp II.
9. Định kỳ trước ngày 15 tháng 6 và 15 tháng 12 hàng năm, tổng hợp, báo cáo về tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD tại địa phương với Sở Thông tin và Truyền thông.

Điều 13. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chỉ đạo, hướng dẫn các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn mạng và thông tin trên mạng TSLCD cấp II.
2. Chủ trì kiểm tra và xử lý theo thẩm quyền các vi phạm quy định về sử dụng, chia sẻ, lưu trữ thông tin và an toàn thông tin trên mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh.
3. Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các nội dung của Quy

định này cho các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các đơn vị này quản lý, khai thác hiệu quả mạng TSLCD cấp II.

4. Khi cần bổ sung, thay đổi điểm kết nối mạng TSLCD cấp II, Sở Thông tin và Truyền thông gửi đề nghị bằng văn bản về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương).

5. Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, báo cáo về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Bưu điện Trung ương) theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

Điều 14. Trách nhiệm của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II

Trách nhiệm của đơn vị sử dụng mạng TSLCD cấp II thực hiện theo quy định tại Điều 19 Thông tư số 27/2017/TT-BTTTT (được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT), cụ thể như sau:

1. Quản lý, khai thác và bảo vệ cổng kết nối vào mạng TSLCD đặt tại đơn vị sử dụng theo các quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

2. Bảo đảm nội dung, thông tin truyền đưa trên mạng TSLCD theo đúng quy định pháp luật.

3. Không thay đổi kết nối, thông số thiết lập mạng của các thiết bị liên quan đến mạng TSLCD không thuộc thẩm quyền, gây xung đột tài nguyên, ảnh hưởng đến việc vận hành hệ thống mạng TSLCD.

4. Khi có sự cố xảy ra, cần thông báo kịp thời cho người có thẩm quyền để giải quyết.

5. Chịu trách nhiệm các vấn đề liên quan như:

- a) Quản lý hệ thống tường lửa của đơn vị đối với mạng TSLCD;
- b) Quản lý bộ tập trung người dùng mạng riêng ảo của đơn vị được thiết lập (nếu có) trên nền tảng mạng TSLCD;
- c) Quản lý các tên miền của đơn vị;
- d) Quản lý các chính sách kết nối Internet của đơn vị thông qua mạng TSLCD;
- đ) Ghi lại các sự cố, lỗi xảy ra về kết nối mạng TSLCD, về an toàn, bảo mật thông tin; trường hợp có sự cố nghiêm trọng vượt quá khả năng khắc phục của đơn vị phải thông báo với điểm đăng ký dịch vụ gần nhất của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ để phối hợp khắc phục kịp thời, nhanh chóng;
- e) Quản lý truy nhập, giám sát và ngăn chặn nguy cơ mất an toàn thông tin từ hệ thống thông tin của đơn vị sử dụng khi kết nối vào mạng TSLCD và các mạng bên ngoài;
- g) Xây dựng phương án ứng cứu sự cố an toàn thông tin.

6. Đăng ký sử dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số để bảo đảm an toàn, bảo

mật thông tin trên mạng TSLCD.

7. Trong trường hợp có kế hoạch nâng cấp, bảo trì hệ thống mạng nội bộ có ảnh hưởng đến mạng TSLCD, cần thông báo cho Sở Thông tin và Truyền thông hoặc điểm đăng ký dịch vụ gần nhất của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trước tối thiểu 05 ngày làm việc để bảo đảm phù hợp với quy hoạch tổng thể của mạng TSLCD.

8. Bảo đảm tuân thủ các quy định về quản lý, vận hành và sử dụng mạng TSLCD; xây dựng quy chế nội bộ về sử dụng mạng TSLCD.

9. Bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, về quản lý và cấp phép cung cấp thông tin, thiết lập trang thông tin điện tử trên Internet, về chế độ bảo mật, an toàn thông tin. Phối hợp với Cục Bưu điện Trung ương xây dựng kế hoạch, triển khai kết nối hệ thống thông tin của đơn vị sử dụng với mạng TSLCD.

10. Trước ngày 01 tháng 12 hàng năm, báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông tình hình khai thác, sử dụng mạng TSLCD trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin tại đơn vị theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Thông tư số 12/2019/TT-BTTTT.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể trên địa bàn tỉnh; Giám đốc doanh nghiệp viễn thông cung cấp hạ tầng kết nối và dịch vụ cho mạng TSLCD cấp II trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai Quy định này.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét xử lý hoặc sửa đổi, bổ sung Quy định này cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Vĩnh